TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AM
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**05**/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 24 - 4 - 2018
"Về việc xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân:
- Bà Đoàn Thị Huệ
- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2017/ TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị H**, sinh năm 1980 *(có mặt)*;

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1982 *(vắng mặt)*;

Cùng cư trú: ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Võ Thị H trình bày, chị và anh Nguyễn Văn N chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa. Thời gian chung sống chị và anh N có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012, hiện nay chị đang nuôi dưỡng; về tài sản và nợ anh chị không có tài sản chung và không có nợ. Quá trình chung sống anh Nam không quan tâm lo lắng gì cho chị và các con của chị và anh N, khi chị nói đến thì anh chị cự cãi nhau, anh N thường bỏ đi bỏ mặt cho mẹ con của chị tự lo liệu, chị cố gắn chịu đựng để anh N sử đổi tính tình nhưng thời gian kéo dài anh Nam không sửa đổi, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; về con, chị yêu cầu được nuôi

dưỡng 02 con, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản vợ nợ, không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến nguyên vọng ngày 20/7/2017, Nguyễn Thị Thảo Nguyên trình bày như sau: Khi cha mẹ là chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn N ly hôn thì Nguyễn Thị Thảo Nguyên có nguyện vọng được chung sống với mẹ là chị Võ Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 02/3/2018, ông Bùi Hải Sơn trình bày: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau cư trú tại tổ 4 ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang, đến khoảng tháng 6/2017 anh Nam và chị H sống ly thân với nhau, từ khi anh N và chị H ly thân đến nay chị H trực tiếp nuôi các con, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn N chung sống không chung thủy với chị H mà chung sống với người phụ nữ khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh Nguyễn Văn N biết và ấn định thời gian để anh Nguyễn Văn N có ý kiến về việc khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị H đối với anh, nhưng anh Nguyễn Văn N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức tiếp cần, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho các bên đương sự để tham gia, nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập cho anh Nguyễn Văn N nhưng anh Nguyễn Văn N vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Võ Thị H yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; về con chung, chị Võ Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012, theo nguyên vọng của Nguyễn Thị Thảo Nguyên là khi anh N và chị H ly hôn thì có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Võ Thị H. Đồng thời, chị Võ Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ, không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

- Kiểm sát viện phát biểu về thực hiện tố tụng và đưa ra quan điểm giải quyết vụ án:

Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn N chưa thực hiện đầy đủ

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẩn, dẫn đến chị H và anh N đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẩn giữa chị H và anh N trầm trọng, nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh N; về con chung, chị H và anh N có được 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012. Từ khi anh Nam và chị H ly thân đến nay chị H nuôi dưỡng các con và theo nguyên vọng của các con của anh chị, khi anh chị ly hôn có nguyên vọng chung sống với mẹ là chị Võ Thị H. Xét rằng yêu cầu được nuôi các con của anh chị phù hợp với nguyện vọng Thảo Nguyên và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các con của anh chị cho chị H nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, về tài sản và nợ chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hg yêu cầu xin được ly hôn với anh N và nuôi con là tranh chấp về dân sự về hôn nhân gia và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N, cư trú tại tổ 4 ấp Ngọc Thành, xã Vân Khánh Đông, huyện AM, tỉnh Kiên Giang đã rời khỏi địa phương đến nay không cung cấp nơi cư trú mới hiện nay anh N cư trú tại đâu chị H không biết. Do đó, anh N cố tình không cung cấp nơi cư trú nên Tòa án nhân dân huyện AM thụ lý giải quyết là thuộc thẩm quyền và vụ án thuộc thẩm quyền của cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh N biết và ấn định thời gian để anh N có ý kiến về việc khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh và nuôi con, nhưng anh N không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập cho anh N, nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai chị H không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến

hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị H và anh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Uỷ ban nhân dân xã Thuận Hòa là nơi cư trú một trong các bên của anh chị)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/12/2004, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh N, thời gian chung sống anh chị có nhiều bất đồng, anh chị đã thật sự ly thân nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay không quan tâm lo lắng, giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng mỗi người sống một nơi thời gian dài mà anh chị không có phương pháp đoàn tụ cho nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, chị H và anh N có 02 đứa con chung tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012, hiện nay đang chung sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 đứa con chung. Đồng thời, con của anh chị tên Thảo Nguyên có nguyên vọng chung sống với mẹ là chị H. Thấy rằng, yêu cầu của chị Hg và nguyện vọng của Thảo Nguyên con của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nghỉ nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị Hương, giao các con của anh chị tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Võ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản và nợ, chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao các con của anh chị tên Nguyễn Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 05/9/2006 và Nguyễn Thị Thảo My, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Võ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng *(Nguyễn Thị Thảo Nguyên và Nguyễn Thị Thảo My đang chung sống với chị Võ Thị H)*.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí, buộc chị Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008457 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Võ Thị H nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/4/2018. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AM;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện AM;
- UBND xã Thuận Hòa;
- Lưu HSVA,VP;